

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2020 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị X, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 10, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiện ở tại: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Chí L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 10, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 07 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 07 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị X và anh Bùi Chí L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Hai bên đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 25/02/2013 hiện nay cháu đang ở với chị X. Đây là con riêng của chị Bùi Thị X nên chị X, anh L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

2.2. Về tài sản chung - công nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn án phí ly hôn cho chị Bùi Thị X vì chị X là người dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Anh Bùi Chí L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

ĐÀO THỊ HUỆ